TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **301/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2018
Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ma Thị Thu Loan.

2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST - HNGĐ, ngày 04/01/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02/7/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Nguyễn Thị Thịnh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình C kết hôn năm 2007, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 23/7/2007 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn P, xã H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được khoảng 3 đến 4 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên lô đề, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù đã được khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi, do không chấp nhận được cuộc sống chung nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Y, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc từ giữa năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/7/2008 hiện nay cháu đang ở cùng anh C do anh C không cho chị đón con đi cùng. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đình C khai tại bản tự khai ngày 04/01/2018.

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 23/7/2007, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi cưới hạnh phúc, cho đến khi phát sinh mâu thuẫn thì chưa đánh chửi nhau. Anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/7/2008, anh đồng ý để cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có khối tài sản chung có tổng giá trị là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình C; giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/7/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, do sau khi có lời khai anh Nguyễn Đình C không đến Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù đã được báo gọi nhiều lần, nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng về quan hệ hôn nhân, con cái và tài sản chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình C, thể hiện:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình C kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nên cả hai đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, HĐXX cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/7/2008, hiện nay cháu đang ở với bố là anh Nguyễn Đình C nhưng chủ yếu do ông bà nội chăm sóc. Tại bản tự khai ngày 04/01/2018, anh Nguyễn Đình C nhất trí để chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dạy cháu L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2018, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

HĐXX thấy rằng cháu L là con gái nên cần giao cháu cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản, bị đơn là anh Nguyễn Đình C yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung vợ chồng nhưng không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của anh Nguyễn Đình C do vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 24/7/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005688 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Nguyễn Đình C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai